

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ TƯ PHÁP**

**Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2025
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng**

(Tiếp theo Công báo số 757 + 758)

TP-CC-29

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTP)

Mẫu lời chứng của công chứng viên đối với văn bản phân chia di sản

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm.....(1)

Tại.....(2), địa chỉ tại.....(3)

Tôi.....(4), công chứng viên, trong phạm vi quyền hạn và
trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

Văn bản phân chia di sản này được lập bởi (các) Ông (Bà):

1.(6)

2.(6)

- Các Ông (Bà) có tên nêu trên đã tự nguyện lập văn bản này; cam đoan không
bỏ sót, không giấu giếm người thừa kế và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc
kê khai người thừa kế.

- Tại thời điểm ký (7) vào văn bản này, (các) Ông (Bà) có tên nêu trên có năng
lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

- Các Ông (Bà) có tên nêu trên cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về
tính chính xác, hợp pháp của các thông tin và các giấy tờ liên quan đến việc lập
văn bản này.

- Sau khi đã hoàn thành niêm yết việc tiếp nhận yêu cầu công chứng văn bản
phân chia di sản này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày... tháng... năm.... tại....
(13)/Sau khi đã hết thời hạn đăng tải việc tiếp nhận yêu cầu công chứng văn bản
phân chia di sản này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày... tháng... năm.... trên

Công thông tin điện tử của Sở Tư pháp nơi.....(2) đặt trụ sở,(2) không nhận được khiếu nại, tố cáo nào liên quan đến việc phân chia di sản;

- Mục đích, nội dung của văn bản không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Các Ông (Bà) có tên nêu trên đã tự đọc lại (8), đồng ý toàn bộ nội dung và đã ký (7) vào văn bản trước sự chứng kiến của tôi vào ngày..... tháng.... năm.... (1.1); chữ ký (7.1) trong văn bản đúng là chữ ký (7.1) của các Ông (Bà) có tên nêu trên;

(*)

- Văn bản công chứng này được lập thành..... (9) bản gốc, mỗi bản gốc gồm..... tờ, trang (10), có giá trị pháp lý như nhau; người yêu cầu công chứng giữ..... (9) bản gốc; 01 (một) bản gốc lưu tại..... (2), tỉnh (thành phố)..... (11)

Số công chứng/...../CCGD (14)

CÔNG CHỨNG VIÊN (15)

TP-CC-30

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTP)

Mẫu lời chứng của công chứng viên đối với văn bản từ chối nhận di sản**LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN**

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm..... (1)

Tại..... (2), địa chỉ tại..... (3)

Tôi..... (4), công chứng viên, trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

Văn bản từ chối nhận di sản này được lập bởi (các) Ông (Bà):

1.(6)

2.(6)

- (Các) Ông (Bà) có tên nêu trên đã tự nguyện lập văn bản này; cam đoan việc từ chối nhận di sản này không nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác;

- Tại thời điểm ký (7) vào văn bản, (các) Ông (Bà) có tên nêu trên có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

- (Các) Ông (Bà) có tên nêu trên cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các thông tin và các giấy tờ đã cung cấp liên quan đến việc lập văn bản này;

- Mục đích, nội dung văn bản không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- (Các) Ông (Bà) có tên nêu trên đã tự đọc lại (8), đồng ý toàn bộ nội dung và đã ký (7) vào văn bản trước sự chứng kiến của tôi vào ngày..... tháng.... năm.... (1.1); chữ ký (7.1) trong văn bản đúng là chữ ký (7.1) của các Ông (Bà) có tên nêu trên;

(*)

- Văn bản công chứng này được lập thành..... (9) bản gốc, mỗi bản gốc gồm.... tờ, trang (10), có giá trị pháp lý như nhau; người yêu cầu công chứng giữ..... (9) bản gốc; 01 (một) bản gốc lưu tại..... (2), tỉnh (thành phố)..... (11)

Số công chứng /...../ CCGD (14)

CÔNG CHỨNG VIÊN (15)

TP-CC-31

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTP)

Mẫu lời chứng của công chứng viên áp dụng đối với giao dịch công chứng điện tử trực tiếp**LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN**

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm..... (1)

Tại..... (2), địa chỉ:..... (3)

Tôi..... (4), công chứng viên, trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

..... (5) được giao kết giữa:

Bên..... (6)**Bên**..... (6)

- Các bên đã tự nguyện giao kết..... (5) này;

- Tại thời điểm ký số vào..... (5) này, các bên giao kết có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

- Các bên giao kết cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các thông tin và các giấy tờ đã cung cấp liên quan đến việc giao kết..... (5) này;

- Mục đích, nội dung của..... (5) không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã tự đọc lại (8), đồng ý toàn bộ nội dung và ký số vào..... (5) này trước sự chứng kiến của tôi; chữ ký số trong..... (5) đúng là chữ ký số của các bên nêu trên;

(*)

- Văn bản công chứng này gồm..... trang (10); lưu tại..... (2), tỉnh (thành phố)..... (11).

Số công chứng/...../CCGDĐT(14)

CÔNG CHỨNG VIÊN (15)

TP-CC-32

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTP)

Mẫu lời chứng của công chứng viên áp dụng đối với giao dịch công chứng điện tử trực tuyến**LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN**

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm..... (1)

Tại..... (2), địa chỉ:..... (3)

Tôi..... (4), công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

..... (5) được giao kết giữa:

Bên..... (6)**Bên**..... (6)

- Các bên đã tự nguyện giao kết..... (5) này;

- Tại thời điểm ký số vào..... (5) này, các bên giao kết có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

- Các bên giao kết cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đã cung cấp liên quan đến việc giao kết..... (5) này;

- Mục đích, nội dung của..... (5) không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Bên..... đã tự đọc lại (8), đồng ý toàn bộ nội dung và ký số vào..... (5) này trước sự chứng kiến của tôi - công chứng viên..... (16) tại..... (17);

- Bên..... tự đọc lại (8), đồng ý toàn bộ nội dung và ký số vào..... (5) này trước sự chứng kiến của công chứng viên..... (18) tại..... (19);

Chữ ký số trong..... (5) đúng là chữ ký số của các bên nêu trên;

(*)

- Văn bản công chứng này gồm..... trang (10); lưu tại..... (2), tỉnh (thành phố)..... (11).

Số công chứng/...../CCGDĐT (14)

CÔNG CHỨNG VIÊN (15)

Ghi chú: Nội dung hướng dẫn theo ghi chú này chỉ dùng để hướng dẫn cách ghi lời chứng của công chứng viên; công chứng viên không sử dụng ghi chú này vào bất kỳ mục đích nào khác

1. Phần ghi chú cụ thể

(1): Ghi cả bằng số và bằng chữ đối với ngày, tháng, năm công chứng viên ký và đóng dấu tổ chức hành nghề công chứng tại trụ sở tổ chức hành nghề công chứng, trong đó phần chữ để trong dấu ngoặc đơn. Việc công chứng viên ký vào lời chứng và đóng dấu tổ chức hành nghề công chứng tại trụ sở tổ chức hành nghề công chứng được áp dụng đối với cả trường hợp công chứng tại trụ sở và trường hợp công chứng ngoài trụ sở tổ chức hành nghề công chứng.

(1.1): Trường hợp người yêu cầu công chứng ký/điểm chỉ cùng một thời điểm thì ghi theo thời điểm đó; trường hợp người yêu cầu công chứng ký/điểm chỉ tại các thời điểm khác nhau thì thời điểm từng người yêu cầu công chứng ký/điểm chỉ. Ngày, tháng, năm được ghi cả bằng số và bằng chữ, trong đó phần chữ để trong dấu ngoặc đơn.

(2): Ghi tên của tổ chức hành nghề công chứng.

(3): Ghi địa chỉ trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng theo Quyết định thành lập (đối với Phòng công chứng) hoặc Giấy đăng ký hoạt động (đối với Văn phòng công chứng).

(4): Ghi đầy đủ họ tên của công chứng viên thực hiện việc công chứng.

(5): Ghi tên của giao dịch:

- Đối với mẫu 26 thì ghi tên cụ thể của giao dịch, ví dụ: Hợp đồng thế chấp/Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất/Văn bản thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng/Văn bản nhập tài sản riêng vào khối tài sản chung...

- Đối với mẫu 28 thì ghi: Di chúc hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc.

Tên của giao dịch chỉ cần nêu đầy đủ ở lần đầu tiên; với các lần tiếp theo thì có thể ghi ngắn gọn. Ví dụ nếu (5) thứ nhất trong lời chứng là “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” thì các (5) tiếp theo trong lời chứng đó chỉ cần ghi là “hợp đồng” mà không cần lặp lại đầy đủ cụm từ “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”; nếu (5) thứ nhất trong lời chứng là “Văn bản thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng” thì các (5) tiếp theo trong lời chứng đó chỉ cần ghi là “văn bản” mà không cần lặp lại đầy đủ cụm từ “Văn bản thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng”....

(6): Nếu chủ thể là cá nhân thì ghi họ tên, ngày, tháng, năm sinh (nếu không có đầy đủ ngày, tháng, năm sinh thì ghi năm sinh); số, ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân (trừ trường hợp chưa có giấy tờ tùy thân theo quy định pháp luật) và nơi cư trú. Trong trường hợp chủ thể là cá nhân xác lập giao dịch thông qua người đại diện (bao gồm cả trường hợp thông qua người giám hộ) thì ghi thêm cả họ tên, số, ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân, địa chỉ nơi cư trú của người đại diện/người giám hộ và người giám sát giám hộ (nếu có).

Nếu chủ thể là tổ chức thì ghi tên tổ chức, mã số doanh nghiệp (nếu là doanh nghiệp), địa chỉ trụ sở (theo Quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư...); họ tên, chức danh và văn bản ủy quyền (nếu có), số, ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người đại diện của tổ chức.

Với mẫu 28 thì (6) chỉ nêu đầy đủ ở lần đầu tiên, với các lần tiếp theo chỉ ghi họ tên của người lập di chúc mà không cần lặp lại đầy đủ thông tin như lần đầu tiên.

(7): Trường hợp người yêu cầu công chứng điểm chỉ vào từng trang thì ghi là “điểm chỉ vào từng trang”; trường hợp vừa ký vừa điểm chỉ vào từng trang của giao dịch thì ghi là “ký và điểm chỉ vào từng trang”; trường hợp ký vào từng trang và điểm chỉ vào trang cuối của giao dịch thì ghi là: “ký vào từng trang và điểm chỉ vào trang cuối của giao dịch”.

(7.1): Trường hợp người yêu cầu công chứng điểm chỉ thì ghi là “dấu điểm chỉ”; trường hợp vừa ký vừa điểm chỉ thì ghi là “chữ ký và dấu điểm chỉ”.

(8): Trường hợp người yêu cầu công chứng đề nghị công chứng viên đọc giao dịch thì ghi: “Các bên/Bên.../Ông (Bà)... đã nghe công chứng viên đọc theo đề nghị của mình”.

(9): Ghi số lượng bản gốc bằng cả số và chữ (phần chữ để trong dấu ngoặc đơn).

(10): Số tờ, số trang bao gồm cả phần lời chứng của công chứng viên.

(11): Ghi tỉnh/thành phố nơi tổ chức hành nghề công chứng đặt trụ sở.

(12): Ghi họ tên của công chứng viên, tên và địa chỉ của tổ chức hành nghề công chứng đã công chứng hợp đồng ủy quyền cho bên ủy quyền.

(13): Ghi tên Ủy ban nhân dân cấp xã ở những nơi đã thực hiện việc niêm yết.

(14): Ghi số công chứng tương ứng với số ghi trong Sổ công chứng.

(15): Công chứng viên ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu tổ chức hành nghề công chứng.

(16): Ghi rõ họ tên của công chứng viên tại nơi khởi tạo giao dịch.

(17): Ghi rõ địa điểm khởi tạo giao dịch.

(18): Ghi rõ họ tên của công chứng viên nơi chứng kiến người yêu cầu công chứng ký giao dịch tại các điểm cầu còn lại.

(19): Ghi rõ địa điểm thực hiện công chứng tại điểm cầu còn lại.

2. Với dấu (*), tùy theo từng trường hợp cụ thể, công chứng viên bổ sung vào lời chứng một hoặc một số nội dung sau đây:

a) Nếu trường hợp có người làm chứng thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người làm chứng, lý do phải có người làm chứng, người làm chứng do người yêu cầu công chứng mời hay do công chứng viên chỉ định vì người yêu cầu công chứng không mời được người làm chứng; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người làm chứng, người làm chứng có đủ điều kiện để làm chứng theo quy định của pháp luật, đã trực tiếp chứng kiến việc công chứng; người làm chứng cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình, đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của công chứng viên.

b) Nếu trường hợp có người phiên dịch thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người phiên dịch, lý do phải có người phiên dịch; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người phiên dịch; người phiên dịch có đủ điều kiện làm người phiên dịch theo quy định của pháp luật, đã dịch đủ, chính xác nội dung giao dịch, nội dung trao đổi của công chứng viên với người yêu cầu công chứng về quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao dịch; người phiên dịch cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phiên dịch của mình; người phiên dịch đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của công chứng viên.

c) Nếu thực hiện công chứng ngoài trụ sở tổ chức hành nghề công chứng thì bổ sung các nội dung: Họ tên, lý do, địa điểm, thời gian từng người tham gia giao dịch ký¹ vào văn bản giao dịch.

d) Nếu người yêu cầu công chứng đăng ký chữ ký mẫu thì bổ sung các nội dung: Bên nào đã làm thủ tục đăng ký chữ ký mẫu và đã ký trước vào văn bản giao dịch này; công chứng viên đã đối chiếu chữ ký trên văn bản giao dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu đã đăng ký tại tổ chức hành nghề công chứng.

đ) Trong trường hợp cần thiết, công chứng viên có thể đưa vào lời chứng nội dung khác phù hợp với từng giao dịch cụ thể nhưng không được đưa vào lời chứng những nội dung nhằm trốn tránh, loại trừ trách nhiệm của công chứng viên hoặc có nội dung vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội..

¹ Việc ký thực hiện theo hướng dẫn tại ghi chú (7)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ YÊU CẦU CÔNG CHỨNG

Tên tổ chức hành nghề công chứng:.....
Tỉnh (thành phố):.....

Mở Sổ ngày..... tháng..... năm.....
Khóa Sổ ngày..... tháng..... năm.....

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1 - Chữ viết trong sổ phải rõ ràng, không tẩy xóa, phải viết bằng mực loại tốt; trong một Sổ chỉ được dùng một màu mực đen hoặc xanh (áp dụng đối với trường hợp viết tay).

2 - Trước khi vào Sổ phải kiểm tra các dữ liệu sẽ ghi vào Sổ để tránh nhầm lẫn. Trường hợp viết nhầm, sửa lỗi kỹ thuật phải gạch đi viết lại, không được viết đè lên chữ cũ; khi sửa lại phải ghi vào cột ghi chú những nội dung sửa; họ và tên, chữ ký của người đã sửa và ngày, tháng, năm sửa và đóng dấu của tổ chức hành nghề công chứng vào chỗ sửa.

3 - Phải ghi đầy đủ các cột mục có trong Sổ và lưu ý:

Cột (3): Trường hợp có nhiều người yêu cầu công chứng thì có thể ghi thông tin của một trong số những người yêu cầu công chứng.

Cột (5): Trường hợp từ chối thì ghi “Từ chối”, lý do từ chối và không điền thông tin tại các cột 6, 7 và 8; trường hợp tiếp nhận thì ghi “Tiếp nhận” và điền thông tin tại các cột 6, 7 và 8.

Cột (7): Số công chứng trong cột này là số ghi trong lời chứng của công chứng viên; mỗi một yêu cầu công chứng phải ghi một số, không phụ thuộc vào số lượng văn bản công chứng của yêu cầu công chứng đó; không được lấy số kèm theo chữ cái, ký tự khác.

4 - Khi sử dụng phải ghi ngày mở Sổ, khi kết thúc phải ghi ngày khóa Sổ.

5 - Sổ phải được giữ sạch, không được để nhòe hoặc rách nát và phải được bảo quản chặt chẽ, lưu trữ lâu dài tại tổ chức hành nghề công chứng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ CÔNG CHỨNG GIAO DỊCH

Tên tổ chức hành nghề công chứng:.....

Tỉnh (thành phố):.....

Mở Sổ ngày..... tháng..... năm.....

Khóa Sổ ngày..... tháng..... năm.....

SỐ CÔNG CHỨNG	NGÀY, THÁNG, NĂM CÔNG CHỨNG	THÔNG TIN VỀ NGƯỜI YÊU CẦU CÔNG CHỨNG (HỌ TÊN; THẺ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN/THẺ CĂN CƯỚC/SỐ ĐỊNH DANH CÁ NHÂN; TÊN, MÃ SỐ DOANH NGHIỆP HOẶC SỐ GIẤY TỜ VỀ TỔ CHỨC)	LOẠI GIAO DỊCH	HỌ TÊN CÔNG CHỨNG VIÊN KÝ VĂN BẢN CÔNG CHỨNG	PHÍ CÔNG CHỨNG	GIÁ DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CÔNG CHỨNG; CHI PHÍ KHÁC	TÀI SẢN LÀ ĐỐI TƯỢNG HOẶC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH <i>(nếu có)</i>	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1 - Chữ viết trong sổ phải rõ ràng, không tẩy xóa, phải viết bằng mực loại tốt; trong một Sổ chỉ được dùng một màu mực đen hoặc xanh (áp dụng đối với trường hợp viết tay).

2 - Trước khi vào Sổ phải kiểm tra các dữ liệu sẽ ghi vào Sổ để tránh nhầm lẫn. Trường hợp viết nhầm, sửa lỗi kỹ thuật phải gạch đi viết lại, không được viết đè lên chữ cũ; khi sửa lại phải ghi vào cột ghi chú những nội dung sửa; họ và tên, chữ ký của người đã sửa và ngày, tháng, năm sửa và đóng dấu của tổ chức hành nghề công chứng vào chỗ sửa.

3 - Phải ghi đầy đủ các cột mục có trong Sổ và lưu ý:

Cột (1): Số công chứng trong cột này là số ghi trong lời chứng của công chứng viên; mỗi một yêu cầu công chứng phải ghi một số, không phụ thuộc vào số lượng văn bản công chứng của yêu cầu công chứng đó; không được lấy số kèm theo chữ cái, ký tự khác.

Cột (3): Trường hợp có nhiều người yêu cầu công chứng thì có thể ghi thông tin của một trong số những người yêu cầu công chứng.

Cột (8): Ghi thông tin của tài sản là đối tượng hoặc liên quan đến giao dịch (nếu có).

4 - Khi sử dụng phải ghi ngày mở Sổ, khi kết thúc phải ghi ngày khóa Sổ.

5 - Sổ phải được giữ sạch, không được để nhòe hoặc rách nát và phải được bảo quản chặt chẽ, lưu trữ lâu dài tại tổ chức hành nghề công chứng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ CÔNG CHỨNG GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

Tên tổ chức hành nghề công chứng:.....

Tỉnh (thành phố):.....

Mở Sổ ngày..... tháng..... năm.....

Khóa Sổ ngày..... tháng..... năm.....

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1 - Phải ghi đầy đủ các cột mục có trong Sổ và lưu ý:

Cột (1): Số công chứng trong cột này là số ghi trong lời chứng của công chứng viên; mỗi một yêu cầu công chứng phải ghi một số, không phụ thuộc vào số lượng văn bản công chứng của yêu cầu công chứng đó.

Cột (3): Trường hợp có nhiều người yêu cầu công chứng thì có thể ghi thông tin của một trong số những người yêu cầu công chứng.

Cột (9): Ghi thông tin của tài sản là đối tượng hoặc liên quan đến giao dịch (nếu có).

2 - Khi sử dụng phải ghi ngày mở Sổ, khi kết thúc phải ghi ngày khóa Sổ.

3 - Sổ phải được giữ sạch, không được để rách nát và phải được bảo quản chặt chẽ, lưu trữ lâu dài tại tổ chức hành nghề công chứng.

TP-CC-36
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI VIỆC SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Tên tổ chức hành nghề công chứng:.....

Tỉnh (thành phố):.....

Quyển số:...../..... TP/SDLĐ

Mở Sổ ngày..... tháng..... năm.....

Khóa Sổ ngày..... tháng..... năm.....

1. Đối với công chứng viên

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính		Trình độ chuyên môn	Số, ngày ban hành Quyết định bổ nhiệm công chứng viên	Số, ngày ban hành Quyết định cấp Thẻ công chứng viên; số Thẻ công chứng viên	Chức vụ (nếu có)	Mức phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đã mua	Số tiền bảo hiểm xã hội đã nộp	Số tiền bảo hiểm y tế đã nộp	Ghi chú
			Nam	Nữ								
1												
2												

2. Đối với nhân viên nghiệp vụ, nhân viên khác

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính		Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm	Ngày được tuyển dụng/Số, ngày ký kết hợp đồng lao động	Số tiền bảo hiểm xã hội đã nộp	Số tiền bảo hiểm y tế đã nộp	Ghi chú
			Nam	Nữ						
1										
2										

Ngày 31/12/.....: - Tổng số lao động: (trong đó số công chứng viên:.....; nhân viên nghiệp vụ:.....; nhân viên khác:.....)

- Tổng số hợp đồng lao động đã ký kết trong năm:..... (trong đó đã chấm dứt:.....; đang thực hiện:.....)

- Tổng số tiền mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho công chứng viên:.....

- Tổng số tiền bảo hiểm xã hội đã nộp của cả năm:.....

- Tổng số tiền bảo hiểm y tế đã nộp của cả năm:.....

Tỉnh (thành phố)...., ngày.... tháng.... năm....

TRƯỞNG TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)